

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 25 tháng 6 năm 2019  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hợp

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Loan; Ông Trần Quốc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đinh Mộng N** – sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N** – sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

*(Nguyên đơn, bị đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 22/5/2019 và biên bản hòa giải 06/6/2019, nguyên đơn chị Đinh Mộng N trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Chị và anh N sống chung với nhau từ năm 2002, có tổ chức hôn lễ nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc sống chung là tự nguyện. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống vợ chồng không hòa hợp được với nhau, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh không quan tâm chăm sóc gia đình. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

- *Về con chung:* Có 01 người con chung, cháu Nguyễn Hồng M, sinh ngày 15/4/2003, hiện cháu đang sống cùng chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do bận công việc riêng không thể tham dự phiên tòa, chị N yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt theo quy định; chị vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày, mong Tòa án xem xét giải quyết.

*Tại biên bản hòa giải 06/6/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn Nhiên trình bày*: Anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- *Về hôn nhân*: Anh đồng ý ly hôn với chị Đinh Mộng N.

- *Về con chung*: Anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Về tài sản chung và nợ*: Anh thống nhất trình bày của chị N, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do điều kiện anh đi làm ăn xa nên yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định; anh vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày, mong Tòa án xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Bị đơn anh Nguyễn Văn N có nơi trú tại ấp Cơi 6A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Đinh Mộng N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Văn N, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị N là nguyên đơn, anh N là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị N và anh N có yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Năm 2002, chị N và anh N nên sống chung với nhau là hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không có cơ sở công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh N, anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh N thống nhất với yêu cầu của chị N, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3

Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh N là đúng pháp luật và phù hợp với nguyện vọng các bên.

[3] *Về con chung*: Chị N và anh N xác định trong thời gian chung sống, hai người có với nhau một người con chung là cháu Nguyễn Hồng M, sinh ngày 15/4/2003, hiện cháu đang sống cùng chị, anh chị thống nhất giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến cháu M và cháu có nguyện vọng sống với chị N. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và đúng với quy định của pháp luật.

[4] *Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con*: Chị N không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh N. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị N nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về tài sản chung*: Chị N và anh N xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị N và anh N xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh N không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Mộng N về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Mộng N và anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Hồng M, sinh ngày 15/4/2003 cho chị Đinh Mộng N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Đinh Mộng N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Chị có dự nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003152 ngày 22/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Văn Hợp**